

Số: 34/NQ-HĐND

Quỳnh Nhai, ngày 11 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng
xã Quỳnh Nhai phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng năm 2026
(nguồn thu năm 2025) của UBND xã Quỳnh Nhai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ QUỲNH NHAI
KHÓA II, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ một số chính sách đầu tư trong Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định 1128/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc áp dụng hệ số K trong thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy chế phối hợp trong công tác thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng nguồn thu năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2026 (nguồn thu năm 2025);

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-BV&PTR ngày 22/6/2026 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La về việc phê duyệt diện tích, số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng từ nhiều bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng đủ điều kiện chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026 (Nguồn thu năm 2025);

Thực hiện Thông báo số 27/QBV&PTR-TB ngày 22/6/2026 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La về diện tích và số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đủ điều kiện chi trả năm 2026 (nguồn thu năm 2025).

Xét đề nghị của UBND xã Quỳnh Nhai tại Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 05/8/2026; Báo cáo thẩm tra số 39/BC-KTNS ngày 06/8/2026 của Ban Kinh tế Ngân sách HĐND xã và tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng xã Quỳnh Nhai phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng năm 2026.

(có Kế hoạch và biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Quỳnh Nhai khoá II, nhiệm kỳ 2026- 2031, Kỳ họp chuyên đề lần thứ Hai thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các vị Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, đơn vị, đoàn thể của xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lò Thị Thảo

KẾ HOẠCH

Sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng năm 2026 (nguồn thu năm 2025) của UBND xã Quỳnh Nhai

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Nhai được giao quản lý bảo vệ rừng có diện tích được chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026 (Nguồn năm 2025) xã Quỳnh Nhai với tổng diện tích là: 437,950 ha, diện tích được chi trả DVMTR là: 437,325 ha.

Thực hiện Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ một số chính sách đầu tư trong Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

UBND xã Quỳnh Nhai đã cụ thể hóa vào công tác bảo vệ và phát triển rừng của UBND xã được giao bảo vệ rừng, ngăn chặn các hiện tượng vi phạm lâm luật.

Công tác khoanh nuôi tái sinh tự nhiên đã nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của cộng đồng dân cư sống gần rừng và đây được xem như là một trong những giải pháp hiệu quả trong việc khôi phục lại rừng và tạo điều kiện thuận lợi cho rừng tự nhiên phát triển. Việc thực hiện khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên trong thời gian qua, đã duy trì ổn định, diện tích rừng hiện còn được bảo vệ nghiêm ngặt, góp phần nâng cao chất lượng rừng trên địa bàn xã và tăng tỷ lệ che phủ rừng.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Rừng là tài nguyên quý giá của đất nước, là bộ phận quan trọng của hệ sinh thái, có giá trị to lớn về kinh tế, xã hội và môi trường, cần được quản lý bảo vệ để phục vụ lợi ích xã hội. Bảo vệ rừng, bảo vệ hệ sinh thái rừng để duy trì môi trường sống, bảo vệ nguồn nước cho sản xuất, sinh hoạt, tăng độ che phủ của rừng. Trong những năm qua, thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đã huy động một nguồn tài chính lớn cho ngành lâm nghiệp thực hiện bảo vệ, phát triển rừng theo hướng bền vững.

Việc xây dựng kế hoạch sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2026 là cần thiết, do dịch vụ môi trường rừng là chính sách rất thiết thực và hiệu quả, được nhân dân đồng tình ủng hộ; Được các cơ quan quản lý, các chuyên gia trong nước

và quốc tế đánh giá rất cao. Trong 15 năm triển khai chính sách, tỉnh Sơn La đã bám sát các quy định của Nhà nước, chỉ đạo quyết liệt và chặt chẽ, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

Tiền dịch vụ môi trường rừng đã chung tay đóng góp bảo vệ và phát triển rừng, cải thiện môi trường sinh thái, người làm nghề rừng được coi trọng, đời sống từng bước được cải thiện... Có thể khẳng định tiền dịch vụ môi trường rừng là nguồn tài chính ổn định, bền vững nhất, đóng góp nâng cao giá trị sản xuất của ngành Lâm nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước trong chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Thực hiện quy định tại Điều 28, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm: *“Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng xây dựng Kế hoạch sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng trình Hội đồng nhân dân cấp xã phê duyệt gửi Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, ...”*; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Công văn số 156/QBV&PTR-TC ngày 09/07/2026 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La về việc phối hợp thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng: tại mục 1, điểm 1.2 *“Tổ chức quản lý nguồn tiền DVMTR đúng quy định; bảo đảm việc sử dụng đúng đối tượng, đúng mục đích, đúng nội dung chi theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan”*.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ một số chính sách đầu tư trong Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm ;

Căn cứ Quyết định 1128/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc áp dụng hệ số K trong thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy chế phối hợp trong công tác thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng nguồn thu năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2026 (nguồn thu năm 2025);

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-BV&PTR ngày 22/6/2026 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La về việc phê duyệt diện tích, số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng từ nhiều bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng đủ điều kiện chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026 (Nguồn thu năm 2025);

Thực hiện Thông báo số 27/QBV&PTR-TB ngày 22/6/2026 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La về diện tích và số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đủ điều kiện chi trả năm 2026 (nguồn thu năm 2025).

IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Mục tiêu

Sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng để tổ chức, cá nhân quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có và phát triển tốt diện tích rừng mới (*Nếu có*); Phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn, hạn chế tối đa các tác động xâm hại đến tài nguyên rừng.

2. Yêu cầu

Quản lý, sử dụng tiền DVMTR phục vụ cho công tác quản lý bảo vệ rừng theo quy định tại điều 28, bổ sung khoản 4, điều 70, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ, về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ một số chính sách đầu tư trong Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường .

3. Quy mô, địa điểm xây dựng Kế hoạch

Quy mô: Tổng diện tích xây dựng Kế hoạch là: 437,950 ha, diện tích được chi trả DVMTR là: 437,325 ha.

Địa điểm: Xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

(Chi tiết có biểu tổng hợp diện tích rừng kèm theo)

4. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch là **250.203.000** (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu, hai trăm linh ba nghìn đồng chẵn*) theo Quyết định số 49/QĐ-BV&PTR ngày 22/6/2026 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La về việc phê duyệt diện tích, số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng từ nhiều bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng đủ điều kiện chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2026 (Nguồn thu năm 2025); Thông báo số 27/QBV&PTR-TB ngày 22/6/2026 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La về diện tích và số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đủ điều kiện chi trả năm 2026 (nguồn thu năm 2025).

5. Các nội dung chi

Thực hiện theo quy định tại điều 28, bổ sung khoản 4, điều 70, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ,. Trong đó, ưu tiên bố trí kinh phí chi cho người bảo vệ rừng gồm tiền công, công tác phí, bảo hiểm, đồ dùng bảo hộ và các khoản chi khác,... Cụ thể như sau:

a. Chi trả cho người bảo vệ rừng gồm (tiền công, công tác phí, bảo hiểm, đồ dùng bảo hộ và các khoản chi khác) là: **225.182.700 đồng**

b. Chi mua sắm phương tiện, công cụ, trang thiết bị, xăng, dầu cho tuần tra, kiểm tra rừng là: **12.020.300 đồng**.

c. Chi hỗ trợ cho những người được huy động tham gia ngăn chặn chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng bị tai nạn, thương tật là: **0 đồng**.

d. Chi bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ, công tác kiêm nhiệm là: **3.000.000 đồng**.

e. Chi phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng là: **5.000.000 đồng**.

g. Chi hội nghị, hội thảo sơ kết, tổng kết và công tác thi đua khen thưởng là: **5.000.000 đồng**.

h. Chi hỗ trợ các hoạt động theo dõi diễn biến rừng, trồng cây phân tán và lập hồ sơ quản lý rừng là: **0 đồng**

J. Các khoản chi khác. là: **0 đồng**

- Hồ sơ chi: Theo quy định hiện hành của Nhà nước.

(Chi tiết có biểu tổng hợp kèm theo)

6. Giải pháp thực hiện kế hoạch

6.1. Giải pháp về bảo vệ rừng

- Giải pháp tuyên truyền:

+ Đổi mới phương pháp, hình thức, nội dung tuyên truyền.

+ Tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng với nhiều hình thức khác nhau.

+ Chú trọng tuyên truyền trực tiếp đến người dân những bản, hộ dân trong xã mà có nhiều diện tích rừng.

+ Chú trọng đến việc chia sẻ trách nhiệm và lợi ích giữa Nhà nước, cộng đồng dân cư thôn và chủ rừng, hộ gia đình, cá nhân trong quá trình phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vụ vi phạm Luật lâm nghiệp;

+ Xây dựng các quy ước, hương ước và duy trì tổ quản lý bảo vệ và phát triển rừng cấp thôn bản để người dân trong thôn có cùng tiếng nói, cùng hành động thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn xã.

- Công tác phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng:

+ Chính quyền địa phương chủ động xây dựng, phê duyệt kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm và giai đoạn theo Hướng dẫn của cơ quan Kiểm lâm và triển khai thực hiện theo quy định.

+ Tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy rừng tại các khu vực trọng điểm dễ xảy ra cháy trên địa bàn.

+ Thường xuyên tuần tra, kiểm tra kết hợp quan sát để phát hiện sâu bệnh hại, đề ra các biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại cho rừng (Nếu có).

- Giải pháp ngăn chặn tình trạng phá rừng trái pháp luật:

+ Thường xuyên tổ chức thành lập đoàn, tổ và thường xuyên tuần tra, kiểm tra rừng, kịp thời phát hiện các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng trên địa bàn xã.

+ Xử lý nghiêm các hành vi, vi phạm Luật lâm nghiệp đối với tổ chức, cá nhân hủy hoại tài nguyên rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép theo quy định.

+ UBND cấp xã phối hợp với các phòng ban liên quan rà soát, thống kê diện tích đất nương rẫy trên địa bàn, xác định nhu cầu đất còn thiếu để làm cơ sở quy hoạch vùng sản xuất nương rẫy, ổn định đất sản xuất cho người dân.

+ Chủ rừng phải thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ diện tích rừng được giao.

+ Lực lượng Kiểm lâm tăng cường tham mưu chính quyền địa phương các cấp chủ động lập kế hoạch và xác định rõ thời điểm, địa điểm thường xảy ra vi phạm về phá rừng để triển khai tuần tra, truy quét.

+ Quản lý chặt chẽ tình hình di dân tự do; Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra và kiên quyết cưỡng chế tất cả những người di cư tự do, cư trú bất hợp pháp ra khỏi địa bàn, đặc biệt là những hộ cư trú gần rừng.

6.2. Giải pháp về sử dụng nguồn vốn để thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng

- Sử dụng hiệu quả nguồn tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn xã.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia vào công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Huy động, kêu gọi nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển rừng.

6.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Căn cứ vào Kế hoạch sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng đã được HĐND xã phê duyệt; UBND cấp xã có trách nhiệm lập dự toán, chế độ kế toán và quyết toán tài chính dịch vụ môi trường rừng gửi các đơn vị chức năng theo quy định về việc Quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã.

- UBND xã phải xác định công tác quản lý bảo vệ rừng là nhiệm vụ ưu tiên, trọng tâm, thường xuyên. Huy động sức mạnh của tập thể với sự tham gia cụ thể, thiết thực của các cấp, đoàn thể và người dân trên địa bàn tham gia vào công tác bảo vệ và phát triển rừng. Chỉ đạo trực tiếp, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của đội tuần tra, bảo vệ rừng; Mua sắm phương tiện, công cụ hỗ trợ bảo vệ rừng. Chịu trách nhiệm về kết quả bảo vệ rừng của địa phương với đảng ủy, HĐND xã.

- Thường xuyên tham mưu kiện toàn, củng cố Ban chỉ đạo công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng xã; Phân công, phân nhiệm cụ thể cho các thành viên; Xây dựng Kế hoạch công tác của Ban chỉ đạo nhằm chủ động, ứng phó kịp thời trong trường hợp xảy ra các tình huống gây thiệt hại đến tài nguyên rừng.

- Xây dựng quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng giữa chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội cấp xã và Ban quản lý các bản.

- Xác định các khu vực trọng điểm, có nguy cơ cao tác động tiêu cực đến diện tích rừng có cung ứng DVMTR trên địa bàn xã.

- Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, diễn tập chữa cháy rừng hàng năm; Quy hoạch vùng sản xuất nương rẫy.

- Thành lập và duy trì hoạt động của các tổ đội quần chúng bảo vệ rừng, nòng cốt là dân quân tự vệ, công an, bộ đội để huy động các lực lượng trên địa bàn kịp thời ngăn chặn các hành vi hủy hoại tài nguyên rừng, phòng cháy chữa cháy rừng theo phương án 04 tại chỗ (*Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ*), giám sát các hoạt động có tác động vào rừng trên địa bàn xã.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân cùng tham gia vào công tác quản lý, bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng.

- Báo cáo kết quả quản lý bảo vệ rừng 06 tháng, một năm diện tích rừng cung ứng DVMTR về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với diện tích có cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

- Xây dựng, thành lập các tổ quần chúng quản lý bảo vệ rừng phòng cháy, chữa cháy rừng cấp bản, xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Tổ; Kịp thời bình xét, đề nghị khen thưởng cho các cá nhân, hộ gia đình có thành tích, trách nhiệm cao trong công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng của bản.

7. Hiệu quả của kế hoạch

- Diện tích rừng trên địa bàn xã được quản lý, bảo vệ và phát triển, góp phần tăng độ che phủ diện tích rừng trên địa bàn xã, từ đó góp phần tăng độ che phủ diện tích rừng trên địa bàn tỉnh. Chống xói mòn, duy trì và bảo vệ nguồn nước phục vụ cuộc sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, cho các công trình thủy điện phát điện. Góp phần tạo công ăn việc làm, cải thiện cuộc sống cho các hộ dân trong xã tham gia sản xuất lâm nghiệp.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm cán bộ và nhân dân trong xã về tầm quan trọng của tài nguyên rừng, công tác quản lý bảo vệ rừng.

Kế hoạch sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng năm 2026 (Nguồn năm 2025) là cơ sở để UBND xã Quỳnh Nhai./.

**BIỂU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG
PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG NĂM 2026**

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi	Năm 2026
1	Chi cho người bảo vệ rừng	225.182.700
2	Chi mua sắm phương tiện, công cụ, trang thiết bị, xăng, dầu cho tuần tra, kiểm tra rừng.	12.020.300
3	Chi hỗ trợ cho những người được huy động tham gia ngăn chặn chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng bị tai nạn, thương tật.	0
4	Chi bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ, công tác kiêm nhiệm.	3.000.000
5	Phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng	5.000.000
6	Hội nghị, hội thảo sơ kết, tổng kết và công tác thi đua khen thưởng	5.000.000
7	Chi hỗ trợ các hoạt động theo dõi diễn biến rừng, trồng cây phân tán và lập hồ sơ quản lý rừng	0
8	Các khoản chi khác	0
Tổng cộng		250.203.000

Ghi chú: Các khoản chi khác UBND xã chịu trách nhiệm về nội dung chi nhưng phải đảm bảo mục tiêu phục vụ cho công tác quản lý bảo vệ rừng./.